

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST

Ngày: 22-01-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản; nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lưu Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Số 102/6/3 đường ĐX 065, tổ 1, khu phố 7, phường Đ, thành phố T, tỉnh B. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T1, huyện D, tỉnh B. Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/9/2016; bản tự khai; biên bản hòa giải cũng như lời trình bày tại phiên tòa của ông Hùng trình bày:

Ông Lê Thanh T làm bảo vệ tại Khôi văn hóa huyện D, tỉnh B và ông H làm chung cơ quan với ông T nên hai bên quen biết nhau. Ông T có vay của ông H số tiền 90.000.000 đồng cụ thể vào các ngày:

Ngày 16/8/2016, ông T vay của ông H vay số tiền 40.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 16/8/2017, ông T sẽ trả số tiền trên cho ông H.

Ngày 21/11/2016, ông T vay của ông H vay số tiền 10.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 21/11/2017, ông T sẽ trả số tiền trên cho ông H.

Ngày 06/12/2016, ông T vay của ông H vay số tiền 10.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 06/12/2017, ông T sẽ trả số tiền trên cho ông Hùng.

Ngày 30/12/2016, ông Tùng vay của ông Hùng vay số tiền 10.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 30/02/2017, ông Tùng sẽ trả số tiền trên cho ông H.

Ngày 18/01/2017, ông T vay của ông H vay số tiền 20.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 18/01/2018, ông T sẽ trả số tiền trên cho ông H.

Tổng số tiền ông T vay của ông H là 90.000.000 đồng.

Ngày 14/9/2018, ông T có đơn khởi kiện bổ sung. Ông H yêu cầu ông T thanh toán số tiền 02 dây hội mà ông Tùng đã hót (nhận tiền hội) nhưng không góp hội gồm:

Dây thứ 01: Mở vào ngày 10/7/2017, hội 2.000.000 đồng, gồm 16 người tham gia, trong đó: Ông H làm chủ hội; ông T tham gia 01 phần; hội kết thúc vào ngày 10/10/2018. Ngày 10/7/2017 ông T đã hót đầu (nhận tiền hội), Ông H đã giao tiền hội 23.800.000 đồng cho ông T. Việc giao tiền hội, ông T có ký giấy nhận hội. Kể từ ngày 10/8/2017 đến ngày 10/7/2018, ông T không đóng hội cho ông H là 12 tháng. Mỗi tháng, ông H phải thay ông T góp hội chết là 2.000.000 đồng. Như vậy, số tiền ông T phải trả tiền hội cho ông H là 24.000.000 đồng.

Dây thứ 02: Mở vào ngày 09/8/2017, hội 2.000.000 đồng, gồm 17 người tham gia, trong đó: Ông H làm chủ hội; ông T tham gia 01 phần; hội kết thúc vào ngày 09/12/2018. Ngày 09/8/2017 ông T đã hót đầu (nhận tiền hội), Ông H đã giao tiền hội 26.880.000 đồng cho ông T. Việc giao tiền hội, ông T có ký giấy nhận hội. Kể từ ngày 09/8/2017 đến ngày 09/7/2018, ông T không đóng hội cho ông H là 11 tháng. Mỗi tháng, ông H phải thay ông T góp hội chết là 2.000.000 đồng. Như vậy, số tiền ông T phải trả tiền hội cho ông H là 22.000.000 đồng.

Ông T vay tiền, nhận tiền hội xong thì không trả nợ, không góp hội. Ông T xin nghỉ việc ở Khối văn hóa xã hội huyện Dầu Tiếng. Ông H tìm ông T đòi nợ nhưng ông T không trả. Ông H khởi kiện. Tổng số tiền ông H yêu cầu ông T thanh toán số tiền vay và tiền hội là 136.000.000 đồng.

Chứng cứ mà ông H cung cấp:

Các giấy vay nợ: ngày 16/8/2016, ngày 21/11/2016, ngày 06/12/2016, ngày 30/12/2016, ngày 18/01/2017 đều có chữ ký, chữ viết của ông Lê Thanh T.

Giấy nhận hối ngày 10/7/2017 và ngày 09/8/2017 đều có chữ ký, chữ viết của ông Lê Thanh T ký nhận tiền hối.

Bị đơn ông T vắng mặt trong tất cả quá trình tố tụng:

Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình ông Lê Thanh T (là cha ông Lê Thanh T) có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T1, huyện D, tỉnh B; xác minh địa chỉ cư trú của ông T để tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T. Tuy nhiên ông T vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện quyền, nghĩa vụ của ông T.

Theo đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Khanh) có ý kiến:

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn; riêng bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Phiên tòa diễn ra đúng thành phần tham gia tố tụng.

Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hối.

Quan điểm xử lý vụ án: Trên cơ sở kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương xác định các chữ ký, chữ viết trên giấy vay nợ và giấy nhận hối đều là do ông Lê Thanh T ký, viết ra. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Trên cơ sở chứng cứ là các giấy vay nợ: Ngày 16/8/2016, ngày 21/11/2016, ngày 06/12/2016, ngày 30/12/2016, ngày 18/01/2017; giấy nhận hối ngày 10/7/2017 và ngày 09/8/2017 mà nguyên đơn cung cấp. Hội đồng xét xử xác định vụ kiện thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và nợ hối theo quy định tại Điều 463, Điều 466, 471, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 16/8/2016, ông T vay của ông H vay số tiền 40.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 16/8/2017, ông T trả số tiền trên cho ông H. Ngày 21/11/2016, ông T vay của ông H vay số tiền 10.000.000 đồng;

vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 21/11/2017, ông T trả số tiền trên cho ông H. Ngày 06/12/2016, ông T vay của ông H vay số tiền 10.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 06/12/2017, ông T trả số tiền trên cho ông H. Ngày 30/12/2016, ông T vay của ông H vay số tiền 10.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 30/02/2017, ông T trả số tiền trên cho ông H. Ngày 18/01/2017, ông T vay của ông H vay số tiền 20.000.000 đồng; vay không tính lãi suất; thỏa thuận đến ngày 18/01/2018, ông T trả số tiền trên cho ông H. Tổng số tiền ông T vay của ông H là 90.000.000 đồng. Ngày 14/9/2018, ông T có đơn khởi kiện bổ sung. Ông H yêu cầu ông T thanh toán số tiền 02 dây hội mà ông T đã hót (nhận tiền hội) nhưng không góp hội gồm: Dây thứ 01: Mở vào ngày 10/7/2017, hội 2.000.000 đồng, gồm 16 người tham gia, trong đó: Ông H làm chủ hội; ông T tham gia 01 phần; hội kết thúc vào ngày 10/10/2018. Ngày 10/7/2017 ông T đã hót đầu (nhận tiền hội), Ông H đã giao tiền hội 23.800.000 đồng cho ông T. Việc giao tiền hội, ông T có ký giấy nhận hội. Kể từ ngày 10/8/2017 đến ngày 10/7/2018, ông T không đóng hội cho ông H là 12 tháng. Mỗi tháng, ông H phải thay ông T góp hội chết là 2.000.000 đồng. Như vậy, số tiền ông T phải trả tiền hội cho ông H là 24.000.000 đồng. Dây thứ 02: Mở vào ngày 09/8/2017, hội 2.000.000 đồng, gồm 17 người tham gia, trong đó: Ông Hùng làm chủ hội; ông Tùng tham gia 01 phần; hội kết thúc vào ngày 09/12/2018. Ngày 09/8/2017 ông T đã hót đầu (nhận tiền hội), Ông H đã giao tiền hội 26.880.000 đồng cho ông T. Việc giao tiền hội, ông T có ký giấy nhận hội. Kể từ ngày 09/8/2017 đến ngày 09/7/2018, ông T không đóng hội cho ông H là 11 tháng. Mỗi tháng, ông H phải thay ông T góp hội chết là 2.000.000 đồng. Như vậy, số tiền ông T phải trả tiền hội cho ông H là 22.000.000 đồng.

Trên cơ sở chứng cứ là các giấy vay nợ: Ngày 16/8/2016, ngày 21/11/2016, ngày 06/12/2016, ngày 30/12/2016, ngày 18/01/2017; giấy nhận hội ngày 10/7/2017 và ngày 09/8/2017 mà nguyên đơn cung cấp. Theo kết luận giám định 357/GĐ-PC09 ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương xác định các chữ ký, chữ viết trên giấy vay nợ và giấy nhận hội đều là do ông Lê Thanh T ký, viết ra. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, ông Lê Thanh H có vay tiền của ông 05 lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng và ông T có nhận hội 02 lần nhưng không góp hội với tổng số tiền là 46.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình ông Lê Thanh T (là cha ông Lê Thanh T) có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T2, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; xác minh địa chỉ cư trú của ông T để tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T. Tuy nhiên ông T vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện quyền, nghĩa vụ của ông T.

Tất cả các khoản nợ vay, nợ hội theo thỏa thuận trên giấy nợ, giấy nhận hội đều đã đến hạn trả nhưng ông T không trả cho ông H là ông T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, bên nhận hội.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với chứng cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông H đã nộp chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 2.185.000 đồng (hai triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Ông T phải chịu chi phí này. Ông T phải trả cho ông H số tiền 2.185.000 đồng (hai triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung của ông H được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 235, 243, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Lưu Thanh H đối với ông Lê Thanh T.

Buộc ông Lê Thanh T phải trả cho ông Lưu Thanh H số tiền 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng.

Sau khi án có hiệu lực, kể từ ngày ông Lưu Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Thanh T không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông Tùng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Thanh T phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 2.185.000 đồng (hai triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Ông T phải hoàn trả cho ông H số tiền là 2.185.000 đồng (hai triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

3. Về án sơ dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thanh T chịu 6.800.000 (sáu triệu tám trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lưu Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0011987 ngày 15/6/2018 và số tiền 1.150.000 đồng (một triệu một

trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012422 ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 22/01/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Anh Tuấn